**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

(Thời gian 2 tiết: 50-51)

**1. Hoạt động 1:Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:**

**-**Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.

- HS xác định được mục tiêu của bài học.

**b)Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” thời gian 3 phút., GV đặt câu hỏi.

**c)Tổ chức thực hiện**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:**

- NắmKiến thức về cụm từ và cấu tạo của cụm từ. Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**b) Nội dung:**

Tri thức Tiếng Viêt: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ. Thực hành các bài tập 1,2,3,4,5,6 trang 96..98.

**c) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
|  |  |
| **I. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.** | |
| **Tìm hiểu về khái niệm cụm từ và các loại cụm từ**  \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV đặt câu hỏi:  - Nêu các thành phần chính của câu.  - Xác định CN, VN trong các câu sau.  1. Gà gáy.  2. Hoa nở .  3. Con gà nhà tôi gáy rất to.  4. Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn.  - Nhận xét về cấu tạo của các thành phần chính trong các câu trên.  - Nêu cấu tạo của cụm từ?  - Có những loại cụm từ nào?  - Giao nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV.  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:  **HS**:  - Đọc phần cụm từ SGK.  - HS quan sát ví dụ trên máy chiếu xác định CN, VN của các câu. Nhận xét cấu tạo của các thành phần chính và cụm từ.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  **GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:-Trình bày kết quả làm việc.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang câu hỏi b.  Tìm hiểu Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ  \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Gv yêu cầu HS đọc sgk thảoluận nhóm cặp đôi sau đó viết vào phiếu học tập các cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Cách mở rộng | Ví dụ của học sinh | | Gà gáy.  Con **gà** trống tía của nhà tôi **gáy** rất to. |  |  | | Chim sơn ca đang hót.  Những chú chim ca sơn ca xinh xắn đang hót trên cành cây. |  |  | | Hoa nở.  Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn. |  |  |   \* HS thực hiện nhiêm vụ học tập:  HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn.  Điền thông tin vào phiếu học tập số 1 để rút ra cách mở rộng thành phần câu.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - Cá nhân và nhóm HS báo cáo kết quả phiếu học tập số 1.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - GV Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  Tìm hiểu về tác dụng của việc mở rộng thành phần câu  \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Hs theo dõi ví dụ 1,2 trên máy chiếu.  - Xác định chủ ngữ và vị ngữ của 2 câu.  - HS so sánh nghĩa của câu có thành phần chính là một từ với câu đã được mở rộng bằng một cụm từ. Để rút ra tác dụng của việc mở rộng câu bằng một cụm từ.  \* HS thực hiện nhiêm vụ học tập:  - Hs thực hiện nhiệm vụ học tập, làm việc cá nhân và làm việc nhóm, rút ra tác dụng.  - GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Cụm từ**  a) Khái niệm  Có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu; trong đó có một từ(danh từ, động từ, tính từ) đóng vai trò là phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho phần trung tâm.  Ví dụ: Những con gà mái.  Hoa nở rất đẹp.  b) Phân loại  Có ba loại:  - Cụm danh từ  - Cụm động từ  - Cụm tính từ  **2**. **Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  - Biến CN và VN của câu từ 1 từ thành 1 cụm từ.  - Biến CN và VN của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn.  - Có thể mở rộng cả CN, VN hoặc mở rộng cả thành phần CN và VN.  **3. Tác dụng**  **-** Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng 1 cụm từ: làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Rèn năng lực vận dụng lí thuyết tiếng việt vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc mở rộng thành phần chính của câu trong các văn bản đọc hiểu.

- Biết cách viết câu dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. Ôn lại kiến thức về từ láy và phép so sánh đã học ở bài trước.

**b) Nội dung:**

Làm bài tập 1, 2,3,4,5,6

**c)Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Gv tổ chức HS hoạt động theo nhóm cặp đôi. Thực hiện yêu cầu bài tập 1,2,3,4,5,6  - Giáo viên giao bài tập cho HS, Bài tập 3: Gv chia nhóm. HS làm việc cá nhân 3phút, thảo luận thống nhất kết quả của nhóm 3 phút.  GV phát phiếu học tập.  - Xác định yêu cầu các bài tập 4,5,6   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên văn bản | Câu có vị ngữ là một chuỗi các cụm ĐT, TT | Tác dụng | | Bài học đường đời dầu tiên. |  |  | | Giọt sương đêm. |  |  |   \* HS thực hiện nhiệm vụ:  **-** HS đọc và xác định yêu cầu bài tập 1,2,3,4,5,6.  - Điền câu trả lời vào phiếu bài tập của GV ở bài tập 3.  - Thực hiện theo yêu cầu của giáo viên ở các bài tập còn lại.  **\*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm ở các bài tập  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | **Bài tập 1**   * Câu a có chủ ngữ "vuốt" là một danh từ. * Câu b có chủ ngữ "những cái vuốt ở chân, ở khoeo" là một cụm danh từ   → Tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm chủ ngữ: là làm cho thông tin của câu được đầy đủ, chi tiết hơn. Cụm danh từ làm chủ ngữ ở câu b đã cho biết thêm vị trí của những chiếc vuốt được miêu tả.  **Bài tập 2**  a. So với cách dùng vị ngữ “bò lên” thì cách diễn đạt “mon men bò lên” đã bổ sung thêm những thành phần miêu tả cách thức thực hiện hành động từ đó giúp ta hình dung rõ hơn thái độ của Dế Mèn đó là rón rén, sợ sệt, từ từ bò lên sau khi biết chị Cốc đã bỏ đi.  b. So với cách dùng vị ngữ “khóc” thì cụm động từ “khóc thảm thiết” đã bổ sung thêm những thành phần miêu tả cách thức thực hiện hành động từ đó giúp ta hình dung diễn tả mức độ khóc lóc vô cùng thương tâm, đau xót.  c. So với cách diễn đạt “nóng”, cụm tính từ “nóng hầm hập” giúp ta hình dung mức độ nóng đạt tới đỉnh điểm, vô cùng oi bức, khó chịu.  Tác dụng của việc sử dụng các cụm ĐT,TT làm vị ngữ bổ sung thông tin chi tiết,cụ thể cho việc miêu tả hành động, tính chất của chủ thể được nói đến trong câu.  **Bài tâp 3**  **Văn bản Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài):**  *- Tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.*  => Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  *- Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. .*  => Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  **Giọt sương đêm (Trần Đức Tiến)**  *- Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn.*  =>Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  *- Thằn Làn vừa chui ra khỏi bình gốm vỡ, chưa kịp vươn vai tập mấy động tác thể dục, đã thấy ông khách quần áo chỉnh tề đứng chờ.* =>Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  **Bài tâp 4**: Mở rộng thành phần câu:  a. Vị khách đó/ giật mình.  b. Những chiếc lá của cây bàng/ rơi xào xạc  c. Trời/ rét buốt.  => Tác dụng: Những câu mở rộng thành phần câu giúp thể hiện nghĩa của câu chi tiết, rõ ràng hơn so với các câu chưa mở rộng.  **Bài tập 5**   1. Các từ láy: *phanh phách, hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rungrinh*.   => Tác dụng: Các từ láy góp phần diễn tả rõ ràng, chi tiết hơn vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh của chú Dế Mèn.  b. Những câu văn sử dụng phép so sánh:  *Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*  =>Tác dụng : Làm cho việc miêu tả trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, giúp người đọc hình dung rõ hơn về sự lợi hại của những chiếc vuốt ở nhân vật Dế Mèn, qua đó góp phần thể hiện niềm tự hào, kiêu hành của nhân vật về chính mình.  **Bài tập 6**  a. Từ “tợn” có các nghĩa sau:  1. Dữ.  2. Bạo đến mức liễu lĩnh, không biết sợ hãi là gì.  3. Ở mức độ cao một cách khác thường (thường có hàm ý chê)  b. Từ “tợn” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa : *Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì , lộ rõ vẻ thách thức.*  - Cơ sở để xác định là dựa vào nội dung những câu văn sau đó: “Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại”. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học Tiếng Việt của bài học vào việc viết đoạn văn ngắn.

**b) Nội dung:** HS về nhà làm bài tập và GV sẽ kiểm tra, đánh giá ở tiết học viết

**c) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Viết ngắn** | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.  Văn bản **Bài học đường đời đầu tiên** kết thúc với hình ảnh: “*Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”.* Hãy đóng vai Dế Mèn và viết về bài học đó bằng một đoạn văn(200 chữ) trong đó sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.  GV hướng dẫn HS viết đoạn văn và đánh giá sản phẩm của các bạn bằng bảng kiểm sau:   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt/ chưa đạt** | | 1.Sử dụng đúng ngôi kể. |  | | 2. Nội dung bài học phù hợp với văn bản. |  | | 3. Sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ. |  | | 4. Hình thức đoạn văn khoảng (150 đến 200 chữ). |  |   \* HS thực hiện nhiêm vụ học tập:  HS hoàn thành đoạn văn theo các tiêu chí trên.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  Hs trình bày kết quả bài làm ở tiết viết.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  HS tự đánh giá đoạn văn của mình dựa vào bảng kiểm.  GV nhận xét đoạn văn của học sinh dựa vào bảng kiểm | Đoạn văn tham khảo  Tôi đứng lặng giờ lâu suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên. Tôi đã cậy mình có sức khỏe để bắt nạt những người hàng xóm xung quanh. Nhưng đáng trách nhất là việc tôi bày trò tinh nghịch trêu chọc chị Cốc khiến Dế Choắt bị chị hiểu lầm. Nhưng rồi tôi còn chẳng đủ dũng khí để đứng ra nhận lỗi lầm của mình. Cuối cùng tôi khiến Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết. Tôi cảm thấy mình là một kẻ hèn nhát hết sức. Chỉ vì kiêu căng, ngạo mạn mà hại chết người bạn hàng xóm yếu đuối của mình. Tôi cũng không hề dũng cảm. Tôi rất ân hận, nhưng cách duy nhất để chuộc lại lỗi lầm lúc này là cố gắng sống tốt hơn, biết coi trọng và yêu quý những người xung quanh hơn. Bài học đường đời đầu tiên đã phải trả cái giá quá đắt.  Câu mở rộng thành phần:  - Tôi cũng không hề dũng cảm. (Vị ngữ - bằng cụm động từ)  - Bài học đường đời đầu tiên đã phải trả cái giá quá đắt. (Chủ ngữ - cụm danh từ, vị ngữ - cụm động từ) |

**\*Hướng dẫn tự học**

**- Bài vừa học**

Nắm lại khái niệm cụm từ, cách mở rộng thành phần câu bằng cụm từ.

Hoàn thành nội dung đoạn văn ở phần viết ngắn. Tự đánh giá nội dung bài làm cá nhân bằng bảng kiểm.

**- Bài sắp học**: Đọc mở rộng theo thể loại Cô Gió mất tên

Đọc trước bài ở nhà

Chỉ ra đặc điểm của truyện đồng thoại qua văn bản.

Tìm hiểu thông điệp nhà văn đã gửi gắm.